

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2017.
V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Hồng Luyện**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Tất Đạt**
2. Bà **Lê Ngọc Sương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Ngọc Đức**- Cán bộ Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **La Minh Dũng**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc “*Xin ly hôn*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **35/2017/QĐXXST- HNGĐ** ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thụy Phương T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: X, p. T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Ông **Lai W**, sinh năm 1974

Địa chỉ: G 3 B R1056 Oslo, Norway (Na Uy)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai và tường trình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Phương T trình bày:*

Bà và ông Lai W quen biết nhau vào tháng 12/2006 qua người quen, sau quá trình tìm hiểu đến tháng 3/2009 ông Lai W đến Việt Nam tổ chức lễ cưới và hứa sẽ đưa bà đến Na Uy để ra mắt gia đình. Ngày 05/5/2009 ông bà được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 272/UBT. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ông Lai W làm thủ tục bảo lãnh bà sang định cư ở Na Uy nhưng Đại diện Lãnh sự quán yêu cầu cung cấp thêm chứng cứ quen biết. Trong thời gian chờ đợi được bảo lãnh thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn càng lúc càng trầm trọng. Bà cảm thấy hai người không hợp nhau về lối sống, cách suy nghĩ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lai W.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tường trình bị đơn ông Lai W trình bày:*

Năm 2006 ông về Việt Nam và được người quen giới thiệu bà T, sau quá trình tìm hiểu hai bên phát sinh tình cảm và đến 29/3/2009 ông và bà T tổ chức

đám cưới. Sau đó, ông bà tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 272/UBT ngày 05/5/2009. Sau khi đăng ký kết hôn ông làm thủ tục bảo lãnh vợ sang Na Uy định cư nhưng chưa thành, từ đó hai bên phát sinh mâu thuẫn cả về cách sống và suy nghĩ tư duy, khoảng cách ngày càng lớn, ông ở Na Uy nên cũng không có điều kiện sống cùng bà T. Do đó ông cũng xin được ly hôn với bà T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có và ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ở nước ngoài nên ông xin được vắng mặt trong tất cả buổi làm việc, hòa giải, phiên xét xử của Tòa án.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, của các đương sự là đúng với các quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Về thẩm quyền giải quyết, ông Lai W là người nước ngoài, chị Nguyễn Thụy Phương T có hộ khẩu thường trú tại X, p. T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về nội dung vụ án bà T và ông Lai W có tự tìm hiểu, làm đám cưới và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn, không hòa hợp, hai bên không có thời gian chung sống, chăm sóc nhau. Ông Lai W cũng thừa nhận hai bên phát sinh mâu thuẫn và xin được ly hôn với bà T. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 272/UBT, ngày 05/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cho bà Nguyễn Thụy Phương T và ông Lai W. Bà Nguyễn Thụy Phương T có hộ khẩu thường trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Ông Lai W là người nước ngoài có quốc tịch Na Uy và hiện đang sinh sống tại nước ngoài nên yêu cầu “Xin ly hôn” của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông Lai W có đơn xin vắng mặt trong tất cả những buổi làm việc, hòa giải và xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lai W.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thụy Phương T: Bà T và ông Lai W có làm đám cưới và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà T và ông Lai W là hợp pháp. Theo bà T trình bày, sau khi đăng ký kết hôn ngày 05/5/2009 ông Lai W và bà tiến hành làm thủ tục để bà được định cư ở nước ngoài nhưng chưa hoàn thành. Từ đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm

trong suy nghĩ và cách sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông Lai W cũng thừa nhận hai bên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm và thường xuyên cãi vã không thể hòa hợp được. Ông sống ở Na Uy nên vợ chồng không có thời gian ở cạnh nhau. Như vậy, việc xin ly hôn của bà T là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, con chung, nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Bà Nguyễn Thụy Phương T phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo luật định.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các chứng cứ có tại hồ sơ nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 37, 147, 228, 469, 470, 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân gia đình 2015;

Căn cứ Luật số: 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Phương T về việc “Xin ly hôn”, bà Nguyễn Thụy Phương T được ly hôn với ông Lai W.

- Tài sản chung, nợ chung, con chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thụy Phương T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 007481 ngày 10/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lai W vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai;
- Cục THADS T.Đồng Nai;
- Đương sự;
- UBND T.Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Vũ Hồng Luyện